

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Án số: 56/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11/7/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN
*Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Huy Hưởng;

Các hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Xây, ông Trần Quảng Thái;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 11/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 240/2019/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2019/QĐXX ngày 20/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Bích N, sinh năm 1990 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 12, phường Hương Sơn, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm Đồng Tân, xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai và các văn bản khác do Tòa án lập, chị Phạm Thị Bích N trình bày: Tôi với anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 7 năm 2011 tại UBND phường Hương Sơn, thành phố TN, tỉnh TN. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tình cảm hòa thuận được một thời gian ngắn thì đã xảy ra những mâu thuẫn. Do anh thường xuyên chơi bời, cờ bạc thiếu trách nhiệm với vợ con. Hai người đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T;

Về con chung: Có một con là Nguyễn Thùy Dương, sinh ngày 29/12/2011 tôi đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung: Không có;

Về công nợ chung và các khoản cho vay: không có.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn T. Song anh T vẫn không chấp hành và có ý kiến

gì về việc giải quyết vụ án ly hôn do chị N yêu cầu, vì vậy phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa hôm nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu khởi kiện của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tiến hành thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Nhất trí cho chị N và anh T ly hôn; Con chung giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng việc nuôi con đối với anh T cho đến khi chị N có yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm non con chung. Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị Bích N yêu cầu giải quyết ly hôn anh Nguyễn Văn T và nuôi con chung, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi tranh chấp anh Nguyễn Văn T Bị đơn có nơi cư trú tại xóm Đồng Tân, xã Đồng Liên, thành phố TN, tỉnh TN nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 7 năm 2011 tại UBND phường Hương Sơn, thành phố TN, tỉnh TN. Do vậy cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị Bích N và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau tình cảm hòa thuận được một thời gian thì đã xảy ra những mâu thuẫn. Do anh thường xuyên chơi bời, cờ bạc thiếu trách nhiệm với vợ con. Hai người đã ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị N làm đơn xin ly hôn nhưng anh không hợp tác. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai đúng theo quy định của pháp luật. HĐXX thấy tình cảm của chị N và anh T không còn, nguyện vọng được ly hôn của chị N là chính đáng nên cần chấp nhận để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có một con là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 29/12/2011 chị N đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là phù hợp vì hiện nay anh đang không có mặt tại địa phương. Do chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét, khi nào chị có yêu cầu thì chị có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung và các khoản cho vay: Không có

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; Chị N, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

□p dụng các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 235, 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Luật án phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Bích N được ly hôn anh Nguyễn Văn T;

2. Về con chung: Chị Phạm Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con là Nguyễn Thùy D, sinh ngày 29/12/2011 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng việc nuôi con đôi với anh T cho đến khi chị N có yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm non con chung mà không ai được cản trở;

3. Về tài sản chung, công nợ chung và các khoản cho vay: Không có;

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Bích N phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước đ□ợc chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN ngày 01 tháng 4 năm 2019 biên lai số: 0007498;

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTPTN;
- THADSTPTN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đồng Huy Hưởng